

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 47

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (tên tiếng Anh là Tien Giang Investment and Construction Joint Stock Company, tên viết tắt là TICCO) tiền thân là Công ty Xây dựng Thủy lợi Tiền Giang, được cổ phần hóa theo Quyết định số 5017/QĐ-UB của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành ngày 5 tháng 12 năm 2003. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5303000020 (số mới là 1200526842) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, thay đổi đến lần thứ 12 ngày 23 tháng 9 năm 2014.

Cổ phiếu của Công ty được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 51/2011/QĐ-SGDHCM ngày 28 tháng 4 năm 2011 của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với số lượng và giá trị cổ phiếu niêm yết tương ứng là 8.000.0000 cổ phiếu và 80.000.000.000 VND. Ngày 28 tháng 7 năm 2011, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang đã chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là THG.

Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán thay đổi lần thứ 1 số 28/2011/GCNCP-VSD-1 ngày 19 tháng 02 năm 2014 và Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 49/QĐ-SGDHCM ngày 20 tháng 02 năm 2014 với nội dung chấp nhận Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang thay đổi số lượng cổ phiếu đang lưu hành từ 8.000.0000 cổ phiếu lên 10.000.000 cổ phiếu liên quan đến việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 80.000.000.000 VND lên 100.000.000.000 VND.

- **Vốn pháp định** : 6.000.000.000 VND
- **Vốn điều lệ** : 100.000.000.000 VND
- **Trụ sở hoạt động**

Trụ sở hoạt động chính

Địa chỉ : Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
Điện thoại : (84-073) 3 872 878
Fax : (84-073) 3 850 597
Website : www.ticco.com.vn
Email : ticco@ticco.com.vn
Mã số thuế : 1 2 0 0 5 2 6 8 4 2

Chi nhánh

Tên Chi nhánh : Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang - Sàn Giao dịch Bất động sản TICCO (TICCOREAL)
Địa chỉ : Số 166, Đường Ấp Bắc, Phường 4, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
Mã số thuế : 1 2 0 0 5 2 6 8 4 2 - 0 0 7

Địa điểm kinh doanh

Địa điểm số 1 : Xí nghiệp Cơ khí Sửa chữa
Địa điểm số 2 : Xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Địa điểm số 3 : Xí nghiệp Kinh doanh Vật liệu xây dựng
Địa điểm số 4 : Xí nghiệp Thi công Cơ giới
Địa chỉ : Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

• Ngành, nghề kinh doanh

Thi công các công trình thủy lợi: Trạm bơm, cống, đập, đê, kè sông, kè biển các loại, hồ chứa nước và nạo vét rạch, kênh mương. Kinh doanh cát san lấp. Môi giới bất động sản, định giá bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quản lý bất động sản. Thi công xây dựng các công trình dân dụng. Thi công xây dựng các công trình công nghiệp. Thi công các công trình giao thông: cầu giao thông, cầu cảng, đường giao thông các loại, hệ thống cấp thoát nước. San lấp mặt bằng. Trung đại tu thiết bị, sửa chữa và đóng mới sà lan. Gia công các sản phẩm cơ khí, cửa cổng công trình thủy lợi. Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn. Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông. Kinh doanh vật liệu xây dựng. Khảo sát thiết kế các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; tư vấn đầu thầu, giám sát. Quảng cáo bất động sản. Sản xuất các sản phẩm bằng vật liệu composite. Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Khai thác vận tải; lập dự án các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; kinh doanh các sản phẩm bằng vật liệu composite; thiết kế, sản xuất, chế tạo thiết bị nâng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và cho tới ngày lập Báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm</u>	<u>Miễn nhiệm</u>
<u>Hội đồng quản trị</u>			
Ông Đoàn Thành Đạt	Chủ tịch		
Ông Nguyễn Quốc Tin	Phó Chủ tịch		
Ông Phan Văn Nghiệp	Thành viên		
Ông Trần Hoàng Huân	Thành viên		
Ông Lê Phú Cự	Thành viên		
<u>Ban kiểm soát</u>			
Ông Nguyễn Hà Trường Hải	Trưởng ban		
Ông Vũ Duy Hưng	Thành viên		
<u>Ban Tổng Giám đốc</u>			
Ông Trần Hoàng Huân	Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Hữu Hiệp	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Vũ Huy Giáp	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	01/8/2014	

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ 7 đến trang 47).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



TRẦN HOÀNG HUÂN - Tổng Giám đốc

Tiền Giang, ngày 17 tháng 3 năm 2015

Số: 0121/2015/BCTC-KTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CÔ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang, được lập ngày 17 tháng 3 năm 2015, từ trang 7 đến trang 47 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2015

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



VÕ THÊ HOÀNG - Giám đốc điều hành
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0484-2013-037-1

NGUYỄN CAO HOÀI THU - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0474-2013-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		202.813.227.526	160.277.002.246
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	80.587.505.417	18.443.408.303
1. Tiền	111		39.146.644.030	9.331.753.320
2. Các khoản tương đương tiền	112		41.440.861.387	9.111.654.983
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		177.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	177.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		80.736.871.304	90.467.322.169
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	61.074.415.655	84.874.686.428
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	1.941.931.178	6.595.130.554
3. Các khoản phải thu khác	135	V.5	23.290.318.440	5.122.471.488
4. Dự phòng phải thu khó đòi	139	V.6	(5.569.793.969)	(6.124.966.301)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	36.453.354.333	49.433.425.707
1. Hàng tồn kho	141		36.775.340.370	49.433.425.707
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(321.986.037)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.858.496.472	1.932.846.067
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	124.055.136	14.107.565
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		893.881.965	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.22	85.007.910	4.040.680
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	3.755.551.461	1.914.697.822
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		109.330.729.421	118.781.245.611
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	38.388.678.289
Phải thu dài hạn khác	218		-	38.388.678.289
II. Tài sản cố định	220		19.843.099.043	8.520.516.415
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	19.266.129.248	7.217.391.455
Nguyên giá	222		26.447.256.306	13.362.416.691
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.181.127.058)	(6.145.025.236)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	291.886.500	350.263.800
Nguyên giá	228		350.263.800	350.263.800
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(58.377.300)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	285.083.295	952.861.160
III. Bất động sản đầu tư	240	V.13	802.108.000	802.108.000
Nguyên giá	241		802.108.000	802.108.000
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		82.677.320.935	64.758.889.542
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	77.519.345.695	72.519.345.695
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	260.000.000	260.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	18.918.431.393	6.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.14	(14.020.456.153)	(14.020.456.153)
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.008.201.443	6.311.053.365
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	835.819.065	417.984.965
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.18	5.172.382.378	5.893.068.400
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		312.143.956.947	279.058.247.857

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		148.032.830.451	126.013.345.311
I. Nợ ngắn hạn	310		145.011.830.451	124.975.145.311
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	14.144.618.537	8.861.555.458
2. Phải trả người bán	312	V.20	50.087.891.603	46.704.704.549
3. Người mua trả tiền trước	313	V.21	39.194.157.000	19.682.477.500
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	2.657.541.905	3.248.270.119
5. Phải trả người lao động	315		2.837.296.105	2.054.709.037
6. Chi phí phải trả	316	V.23	30.810.859.241	38.687.270.621
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.24	3.042.747.983	3.221.454.045
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.25	574.511.280	564.130.711
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.26	1.662.206.797	1.950.573.271
II. Nợ dài hạn	330		3.021.000.000	1.038.200.000
Vay và nợ dài hạn	334	V.27	3.021.000.000	1.038.200.000
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		164.111.126.496	153.044.902.546
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.28	164.111.126.496	153.044.902.546
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.700.000.000	10.700.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		20.724.043.436	40.724.043.436
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.765.747.625	7.091.667.202
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		24.921.335.435	14.529.191.908
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		312.143.956.947	279.058.247.857

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại :			
Dollar Mỹ (USD)		399,56	409,50
Euro (EUR)		3.390,61	3.398,20

Tiền Giang, ngày 17 tháng 3 năm 2015



TRẦN HOÀNG HUÂN
Tổng Giám đốc

LÊ MỸ PHƯỢNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ MINH THU
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

(Có so sánh số liệu năm 2013)

Mẫu B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		205.008.367.899	181.952.049.807
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		540.544.082	383.055.274
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	204.467.823.817	181.568.994.533
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	184.042.305.242	143.278.880.089
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.425.518.575	38.290.114.444
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	20.349.340.253	9.312.011.738
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	703.827.314	15.080.364.784
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		693.303.702	1.059.908.631
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	3.326.825.419	2.554.909.420
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	11.772.390.296	13.490.979.345
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.971.815.799	16.475.872.633
11. Thu nhập khác	31		1.996.873.325	2.588.234.012
12. Chi phí khác	32		576.489.159	2.569.740.829
13. Lợi nhuận khác	40	VI.7	1.420.384.166	18.493.183
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.392.199.965	16.494.365.816
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	1.391.945.231	1.949.468.134
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.18	720.686.022	479.733.969
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>24.279.568.712</u>	<u>14.065.163.713</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>2.427,96</u>	<u>1.758,15</u>

Tiền Giang, ngày 17 tháng 3 năm 2015



TRẦN HOÀNG HUẤN
Tổng Giám đốc

LÊ MỸ PHƯỢNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ MINH THU
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Mẫu B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		26.392.199.965	16.494.365.816
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2.305.273.435	2.059.528.660
- Các khoản dự phòng	03		(233.186.295)	16.601.880.763
- Lãi (Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		10.387.894	(5.214.240)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(21.512.862.767)	(9.305.948.372)
- Chi phí lãi vay	06		693.303.702	1.059.908.631
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		7.655.115.934	26.904.521.258
- Giảm (Tăng) các khoản phải thu	09	VII	37.756.076.481	(1.563.477.439)
- Giảm hàng tồn kho	10		13.096.088.741	10.219.522.598
- Tăng (Giảm) các khoản phải trả (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và chi phí lãi vay phải trả)	11	VII	3.878.714.592	(10.092.521.878)
- Tăng chi phí trả trước	12		(527.781.671)	(209.324.414)
- Tiền lãi vay đã trả	13	VII	(1.159.055.705)	(2.506.608.997)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(290.082.615)	(1.566.917.291)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.481.322.276)	(3.087.691.380)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		58.927.753.481	18.097.502.457
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	VII	(4.107.465.789)	(3.724.804.948)
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	VII	(10.815.141.393)	(10.000.000.000)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	VII	6.719.710.000	4.000.000.000
- Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VII	16.763.765.630	7.942.583.726
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		8.560.868.448	(1.782.221.222)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		27.341.909.270	10.750.405.463
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(20.076.046.191)	(31.223.629.846)
- Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	(1.140.200.000)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	VII	(12.600.000.000)	(12.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.334.136.921)	(33.613.424.383)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		62.154.485.008	(17.298.143.148)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		18.443.408.303	35.736.337.211
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(10.387.894)	5.214.240
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.I	80.587.505.417	18.443.408.303

Tiền Giang, ngày 17 tháng 3 năm 2015



TRẦN HOÀNG HUẤN
Tổng Giám đốc

LÊ MỸ PHƯỢNG
Phụ trách kế toán

NGUYỄN THỊ MINH THU
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

Mẫu B 09-DN

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (gọi tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Kinh doanh bất động sản
- Ngành, nghề kinh doanh** :

Thi công các công trình thủy lợi: Trạm bơm, cống, đập, đê, kè sông, kè biển các loại, hồ chứa nước và nạo vét rạch, kênh mương. Kinh doanh cát san lấp. Môi giới bất động sản, định giá bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quản lý bất động sản. Thi công xây dựng các công trình dân dụng. Thi công xây dựng các công trình công nghiệp. Thi công các công trình giao thông: cầu giao thông, cầu cảng, đường giao thông các loại, hệ thống cấp thoát nước. San lấp mặt bằng. Trung đại tu thiết bị, sửa chữa và đóng mới sà lan. Gia công các sản phẩm cơ khí, cửa cổng công trình thủy lợi. Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn. Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông. Kinh doanh vật liệu xây dựng. Khảo sát thiết kế các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; tư vấn đấu thầu, giám sát. Quảng cáo bất động sản. Sản xuất các sản phẩm bằng vật liệu composite. Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Khai thác vận tải; lập dự án các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; kinh doanh các sản phẩm bằng vật liệu composite; thiết kế, sản xuất, chế tạo thiết bị nâng.

4. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 152 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 90 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là năm tài chính thứ 11 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp. Thông tư này hướng dẫn kế toán áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế. Hướng dẫn này sẽ có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015 trở đi. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các Báo cáo tài chính của Công ty trong tương lai.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn và dài hạn, phải thu khách hàng và các khoản phải thu ngắn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm vay và nợ ngắn và dài hạn, phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả ngắn hạn khác và dự phòng ngắn hạn phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc thiết bị	2 - 12
Phương tiện vận tải	3 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 4

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán của Công ty. Giá trị phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 6 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định.

Chi phí mua sắm tài sản cố định

Chi phí mua sắm tài sản cố định phản ánh giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt, chạy thử,... tài sản trước khi đưa vào sử dụng.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,... tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển chi phí vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị nhỏ)/ chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào "Chi phí trả trước ngắn hạn/ dài hạn" để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất kinh doanh).

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm các quyền sử dụng đất do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm giá trị của 2 quyền sử dụng đất lâu dài tại Quang Trung - Cái Cui, phường Phú Thù, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ với diện tích đất tương ứng là 125,5 m² và 103,5 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00462 và số 00463 do Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ cấp ngày 30 tháng 11 năm 2004.

Bất động sản đầu tư là giá trị của các quyền sử dụng đất lâu dài hạn nên không tính khấu hao.

11. Các khoản đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn thể hiện các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trên khoản mục "Chi phí tài chính".

12. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện chi phí công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ vào Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

13. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

14. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày cuối kỳ kế toán.

Chi phí bảo hành công trình cơ khí

Dự phòng cho bảo hành được lập cho từng công trình cơ khí có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính bằng 1% trên doanh thu quyết toán của công trình cơ khí có yêu cầu bảo hành. Chi phí bảo hành công trình cơ khí được ghi nhận vào chi phí sản xuất chung trong năm.

15. Nguồn vốn kinh doanh và các quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về Hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi ngân hàng

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận khi tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoài trừ cổ tức ghi nhận bằng cổ phiếu chi theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

19. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	600.310.193	366.797.898
Tiền gửi ngân hàng (i)	38.546.333.837	8.964.955.422
Các khoản tương đương tiền (ii)	41.440.861.387	9.111.654.983
Cộng	<u>80.587.505.417</u>	<u>18.443.408.303</u>

(i) Như trình bày tại Thuyết minh số V.19, Công ty đã thế chấp toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và bảo lãnh tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang.

(ii) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4%/năm đến 7%/năm.

Trong đó, số dư tiền gửi kỳ hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 26.308.232.043 VND được đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO (công ty con) theo Hợp đồng cầm cố bằng tài sản của bên thứ ba số 04/2014/433488/HĐBĐ ngày 18 tháng 12 năm 2014 và số dư tiền gửi kỳ hạn Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Tiền Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 4.213.964.309 VND được đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Công ty, xem Thuyết minh số V.27.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho ông Lê Thành Đạo vay ngắn hạn	77.000.000	-
Cho ông Phan Văn Châu vay ngắn hạn	100.000.000	-
Cộng	177.000.000	-

Công ty cho các cá nhân vay tiền trong thời gian 8 tháng với lãi suất 5%/năm.

3. Phải thu khách hàng

Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	557.438.117	4.388.621.486
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	1.231.016.530	1.872.817.710
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	1.624.057.600	-
BQL các DA Đầu tư Xây dựng TP. Mỹ Tho	695.038.000	-
BQL Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi 9	625.050.609	2.475.314.834
BQL DA ngành NN & PTNT Bình Dương	10.069.752.000	-
Sở NN & PTNT Kiên Giang	7.224.779.000	7.618.676.000
Sở NN & PTNT tỉnh Sóc Trăng	701.043.000	-
Sở NN & PTNT tỉnh Trà Vinh	14.433.489.000	4.956.099.000
Ông Đỗ Hữu Nghiệp	2.450.413.003	83.120.000
Bà Trần Thị Băng Tâm	526.950.800	542.000.000
Bà Trần Thị Kim Linh	655.005.214	700.152.813
BQL Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 10	794.900.000	16.078.481.000
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	1.176.368.000	5.830.106.000
BQL các Dự án Công trình NN & PTNT Cà Mau	1.134.277.282	819.465.000
BQL các DA Đầu tư và Xây dựng huyện Chợ Gạo	3.238.385.000	-
BQL các DA huyện Gò Công Đông	907.859.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Hưng Giang	3.746.804.000	-
Ban QLDA cải tạo kênh Ba Bò	288.483.381	5.951.408.995
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 40	242.358.000	4.692.232.252
Các khách hàng khác	8.750.948.119	28.866.191.338
Cộng	61.074.415.655	84.874.686.428
Dự phòng phải thu khách hàng khó đòi	(5.291.767.469)	(5.833.689.801)
Phải thu khách hàng thuần	55.782.648.186	79.040.996.627

Như trình bày tại Thuyết minh số V.19, Công ty đã thế chấp quyền đòi nợ (khoản phải thu) cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang để đảm bảo cho Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 01/2014/433488/HĐBL ngày 6 tháng 8 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	-	180.128.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	898.955.000	-
Trung Tâm TVTK Xây Dựng Sagel	115.496.500	115.496.500
Trung tâm Phát triển Quỹ đất thị xã Gò Công	-	1.265.851.054
Công ty Cổ phần Xây dựng 43	-	4.443.000.000
Công ty TNHH Cơ Khí Nam Việt	239.618.720	-
Công ty Cổ phần Bê tông Khang Long	154.742.544	-
Công ty TNHH DV DL Hoàn Mỹ	140.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	393.118.414	590.655.000
Cộng	1.941.931.178	6.595.130.554
Dự phòng các khoản trả trước cho người bán khó đòi	(278.026.500)	(291.276.500)
Trả trước cho người bán thuần	1.663.904.678	6.303.854.054

5. Các khoản phải thu khác

Công ty TNHH Xây dựng TICCO	1.487.796.599	1.629.498.795
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	17.661.952.759	20.444.440
Sở Tài chính tỉnh An Giang	416.416.000	416.416.000
Thủ lao Hội Đồng Quản trị	-	131.611.268
Các khoản phải thu khác	3.724.153.082	2.924.500.985
Cộng	23.290.318.440	5.122.471.488

6. Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khách hàng khó đòi (xem Thuyết minh số V.3)	(5.291.767.469)	(5.833.689.801)
Dự phòng trả trước cho người bán khó đòi (xem Thuyết minh số V.4)	(278.026.500)	(291.276.500)
Cộng	(5.569.793.969)	(6.124.966.301)

7. Hàng tồn kho

Nguyên liệu, vật liệu	2.567.510.622	250.402.625
Công cụ, dụng cụ	1.963.323.636	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	30.375.698.322	47.453.996.996
Hàng hóa	1.868.807.790	1.729.026.086
Cộng	36.775.340.370	49.433.425.707
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(321.986.037)	-
Giá trị thuần của hàng tồn kho	36.453.354.333	49.433.425.707

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Chi tiết chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các công trình gia công sản phẩm cơ khí	2.603.176.140	4.688.487.585
Các công trình xây dựng thủy lợi	3.024.031.956	-
Các dự án kinh doanh bất động sản	24.734.950.181	42.765.509.411
Các công trình thi công cơ giới	13.540.045	-
Cộng	30.375.698.322	47.453.996.996

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	14.107.565	246.559.347	223.742.215	36.924.697
Chi phí sửa chữa	-	87.130.439	-	87.130.439
Cộng	14.107.565	333.689.786	223.742.215	124.055.136

9. Tài sản ngắn hạn khác

Tài sản thiếu chờ xử lý	41.000.000	41.000.000
Tạm ứng	3.714.551.461	1.873.697.822
Cộng	3.755.551.461	1.914.697.822

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	3.090.158.636	6.511.997.330	3.432.748.907	327.511.818	13.362.416.691
Tăng trong năm	843.147.927	9.091.950.952	4.689.685.981	-	14.624.784.860
<i>Mua sắm trong năm</i>	<i>302.094.980</i>	<i>7.280.018.261</i>	<i>2.507.046.685</i>	<i>-</i>	<i>10.089.159.926</i>
<i>Kết chuyển từ mua sắm, xây dựng cơ bản sang</i>	<i>541.052.947</i>	<i>1.811.932.691</i>	<i>2.182.639.296</i>	<i>-</i>	<i>4.535.624.934</i>
Giảm trong năm	-	1.539.945.245	-	-	1.539.945.245
<i>Nhượng bán, thanh lý</i>	<i>-</i>	<i>1.539.945.245</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1.539.945.245</i>
Số cuối năm	3.933.306.563	14.064.003.037	8.122.434.888	327.511.818	26.447.256.306
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	1.755.502.169	1.890.529.897	2.229.265.517	269.727.653	6.145.025.236
Tăng trong năm	425.338.988	1.260.747.527	529.651.906	51.546.674	2.267.285.095
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>425.338.988</i>	<i>1.260.747.527</i>	<i>529.651.906</i>	<i>51.546.674</i>	<i>2.267.285.095</i>
Giảm trong năm	-	1.231.183.273	-	-	1.231.183.273
<i>Nhượng bán, thanh lý</i>	<i>-</i>	<i>1.231.183.273</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1.231.183.273</i>
Số cuối năm	2.180.841.157	1.920.094.151	2.758.917.423	321.274.327	7.181.127.058
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.334.656.467	4.621.467.433	1.203.483.390	57.784.165	7.217.391.455
Số cuối năm	1.752.465.406	12.143.908.886	5.363.517.465	6.237.491	19.266.129.248
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng:					
Số đầu năm	875.399.311	82.621.253	989.952.361	43.181.818	1.991.154.743
Số cuối năm	875.399.311	347.482.705	1.393.829.361	302.561.818	2.919.273.195

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đang thế chấp để đảm bảo các nợ vay ngắn và dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (xem Thuyết minh số V.19 và số V.27):					
Số đầu năm	1.334.656.467	4.417.663.082	1.203.483.390	57.784.165	7.013.587.104
Số cuối năm	1.159.560.093	3.806.659.880	1.036.307.401	10.395.827	6.012.923.201

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán của Công ty, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 6 năm.

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá	350.263.800	-	-	350.263.800
Giá trị hao mòn lũy kế	-	58.377.300	-	58.377.300
Giá trị còn lại	350.263.800	58.377.300	-	291.886.500

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng TSCĐ	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	952.861.160	3.582.763.774	4.535.624.934	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	285.083.295	-	285.083.295
Cộng	952.861.160	3.867.847.069	4.535.624.934	285.083.295

13. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm giá trị của các quyền sử dụng đất lâu dài của Công ty, Công ty không tính khấu hao các quyền sử dụng đất này.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên giá	802.108.000	802.108.000
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-
Giá trị còn lại	802.108.000	802.108.000

14. Đầu tư vào công ty con

Đầu tư vào công ty con	77.519.345.695	72.519.345.695
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (i)	38.000.000.000	38.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO (ii)	25.000.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang (iii)	14.519.345.695	14.519.345.695
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(14.020.456.153)	(14.020.456.153)
Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO (ii)	(14.020.456.153)	(14.020.456.153)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn thuần	63.498.889.542	58.498.889.542

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

- Khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO với giá trị vốn góp là 38.000.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 100% vốn điều lệ của công ty này. Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh bê tông. Trong năm 2014, Công ty đã ghi nhận vào thu nhập tài chính liên quan đến khoản lợi nhuận hoạt động sản xuất, kinh doanh từ Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO với số tiền là 17.535.844.663 VND (năm 2013: 7.630.472.517 VND), xem Quyết minh số VL3.
- Khoản đầu tư vào thành lập Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO với giá trị vốn góp tại ngày 01 tháng 01 năm 2014 là 20.000.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 100% vốn điều lệ của công ty này.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngày 02 tháng 6 năm 2014, Công ty đã thực hiện chuyển khoản cho vay dài hạn sang bổ sung góp vốn đầu tư vào Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO với số tiền 5.000.000.000 VND liên quan đến vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO tăng từ 20.000.000.000 VND lên 25.000.000.000 VND. Hoạt động chính của Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO là thi công công trình xây dựng thủy lợi. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá đầu đầu tư vào Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO liên quan đến khoản lỗ hoạt động kinh doanh năm 2013 của Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO với số tiền là 14.020.456.153 VND (năm 2013: 14.020.456.153 VND). Hoạt động kinh doanh năm 2014 của Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO lãi 925.664.162 VND, Công ty đã ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong năm, xem Thuyết minh số VI.3.

- (iii) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang với giá trị vốn góp là 14.519.345.695 VND, chiếm tỷ lệ 75,42% vốn điều lệ của công ty này. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang là thi công công trình xây dựng thủy lợi. Trong năm 2014, Công ty nhận được cổ tức được chia từ lợi nhuận của năm 2011 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang với số tiền là 220.572.000 VND, xem Thuyết minh số VI.3.

15. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Testco	260.000.000	260.000.000
Cộng	260.000.000	260.000.000

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Testco với giá trị vốn góp là 260.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 20% vốn điều lệ của Công ty này. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Testco là thiết kết, giám sát, kiểm định thử nghiệm chất lượng công trình. Trong năm 2014, Công ty đã ghi nhận vào thu nhập tài chính liên quan đến khoản cổ tức thu được từ Công ty Cổ phần Testco với số tiền là 36.533.446 VND (năm 2013: 34.416.602 VND), xem Thuyết minh số VI.3.

16. Đầu tư dài hạn khác

Các khoản cho vay dài hạn

Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (i)	16.918.431.393	1.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO (ii)	2.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	18.918.431.393	6.000.000.000

- (i) Công ty cho Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (công ty con) vay theo Hợp đồng cho vay số 003/HĐ.2014 ngày 01 tháng 5 năm 2014, hạn mức cho vay là 22.638.141.393 VND, thời hạn cho vay là 36 tháng với lãi suất 1%/năm (năm 2013: 8%/năm).

- (ii) Công ty cho Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO (công ty con) vay theo Hợp đồng cho vay số 04/HĐKT.TICCO ngày 12 tháng 6 năm 2014, hạn mức cho vay là 5.000.000.000 VND, thời hạn cho vay là 13 tháng với lãi suất 6%/năm (năm 2013: 8%/năm).

17. Chi phí trả trước dài hạn

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	417.984.965	757.469.103	516.675.374	658.778.694
Chi phí sửa chữa	-	216.320.599	39.280.228	177.040.371
Cộng	417.984.965	973.789.702	555.955.602	835.819.065

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm như sau:

	Giá vốn Khu Dân cư Trương Định năm 2011	Số tiền tạm thu hoạt động kinh doanh bất động sản	Các khoản lỗ tính thuế	Cộng
Số đầu năm	256.050.167	17.474.956	5.619.543.277	5.893.068.400
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	(146.242.324)	53.712.394	(628.156.092)	(720.686.022)
Số cuối năm	109.807.843	71.187.350	4.991.387.185	5.172.382.378

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản lỗ tính thuế là 22.688.123.570 VND (tại ngày 31 năm 2013: 24.084.421.549 VND) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận với số tiền 4.991.387.185 VND (tại ngày 31 năm 2013: 5.619.543.277 VND) theo khoản lỗ trên. Không có tài sản thuế hoãn lại nào được ghi nhận cho khoản lỗ còn lại của năm 2009 với số tiền 204.963.706 VND vì đã hết hạn chuyển lỗ.

Lợi ích từ các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Ghi chú
2014	-	1.396.297.979	Lỗ tính thuế còn lại năm 2009
2016	1.694.250.683	1.694.250.683	Lỗ tính thuế năm 2011
2017	7.608.259.623	7.608.259.623	Lỗ tính thuế năm 2012
2018	13.385.613.264	13.385.613.264	Lỗ tính thuế năm 2013
Cộng	22.688.123.570	24.084.421.549	

Cơ quan Thuế đã thực hiện quyết toán thuế cho Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty.

19. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	13.460.418.537	3.183.155.458
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (*)	13.460.418.537	3.183.155.458
Nợ dài hạn đến hạn trả	684.200.000	5.678.400.000
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang đến hạn trả (xem Thuyết minh số V.27)	351.200.000	454.400.000
Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Tiền Giang (xem Thuyết minh số V.27)	333.000.000	5.224.000.000
Cộng	14.144.618.537	8.861.555.458

(*) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2014/433488/HĐTD ngày 6 tháng 8 năm 2014 với hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 6 tháng 8 năm 2014 và 5, 6 tháng cho từng khoản vay cụ thể. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất Ngân hàng trong từng thời kỳ (lãi suất áp dụng trong năm từ 6%/ năm đến 9%/ năm). Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

vật liệu xây dựng và gia công các sản phẩm cơ khí, cửa công công trình thủy lợi và thi công các công trình. Công ty sử dụng quyền sử dụng đất tại số 90, đường Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (xem Thuyết minh số VIII.1), toàn bộ tài sản cố định hữu hình (xem Thuyết minh số V.10) và toàn bộ số dư tiền ngân hàng để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh số V.1).

Ngoài ra, Công ty còn ký kết với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 01/2014/433488/HĐBL ngày 6 tháng 8 năm 2014 với hạn mức bảo lãnh là 110.000.000.000 VND và thời hạn 12 tháng kể từ ngày 6 tháng 8 năm 2014. Như điều kiện đảm bảo tại Hợp đồng tín dụng hạn mức được trình bày ở trên, Công ty còn thế chấp quyền đòi nợ (khoản phải thu) (xem Thuyết minh số V.3) và ký quỹ 5%/số tiền bảo lãnh tương đương 5.500.000.000 VND để đảm bảo cho Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư bảo lãnh của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang cho Công ty là 104.916.744.852 VND.

20. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	11.703.000	230.691.879
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	33.856.758.770	35.574.516.816
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	5.757.898.026	2.493.149.800
Công ty Cổ phần Testco	30.899.600	-
Công ty Cổ Phần Cơ khí và Xây lắp 276	652.399.000	633.832.000
Công ty Cổ phần Xây dựng 43	3.210.960.149	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ An Phú Cường	1.225.321.999	131.305.999
Công ty Cổ phần Công nghệ Công nghiệp Intec	300.853.333	850.853.333
Công ty TNHH Xây Dựng Hữu Quế	319.886.561	319.886.561
Công ty Điện nước Thiên Nhiên Việt	367.815.690	3.967.112.793
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	269.500.446	269.500.446
Công ty Nạo vét Đường thủy 2	182.461.000	182.461.000
DNTN Xây dựng và Dịch vụ Dương Thu Sơn	101.318.000	101.318.000
Các nhà cung cấp khác	3.800.116.029	1.950.075.922
Cộng	50.087.891.603	46.704.704.549

21. Người mua trả tiền trước

Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	365.785.000	-
BQL Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi 10	7.730.000.000	7.465.780.000
BQL DA Chuyên ngành NN & PTNN tỉnh Bến Tre	20.088.000.000	-
BQL các Dự án Đầu tư Xây dựng ngành Nông nghiệp Tiền Giang	-	4.112.000.000
BQL DA Chợ Gạo	-	1.500.000.000
Sở NN & PTNT tỉnh An Giang	-	658.840.000
Sở NN & PTNT tỉnh Sóc Trăng	-	737.598.000
Các khách hàng khác	11.010.372.000	5.208.259.500
Cộng	39.194.157.000	19.682.477.500

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước (*)	1.908.848.374	3.410.108.786	5.403.965.070	(85.007.910)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.313.057.370	1.391.945.231	290.082.615	2.414.919.986
Thuế thu nhập cá nhân	22.323.695	751.401.206	531.102.982	242.621.919
- Thuế thu nhập cá nhân (*)	(4.040.680)	17.572.056	775.179	12.756.197
- Thuế thu nhập cá nhân - Đầu tư vốn	-	626.526.098	482.007.877	144.518.221
- Thuế thu nhập cá nhân - Không có hợp đồng lao động	26.364.375	107.303.052	48.319.926	85.347.501
Các loại thuế khác	-	302.395.572	302.395.572	-
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
- Thuế đất	-	299.395.572	299.395.572	-
Cộng	3.244.229.439	5.855.850.795	6.527.546.239	2.572.533.995

(*) Số thuế phải thu được trình bày ở chỉ tiêu "Thuế và các khoản phải thu Nhà nước".

• Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

- Thuế suất áp dụng :

+ Thuế suất 5% : Hoạt động thi công đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp

+ Thuế suất 10% : Hoạt động khác

• Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem Thuyết minh số VI.8

• Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác theo qui định hiện hành.

23. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả gia công sản phẩm cơ khí	83.398.340	2.258.400.972
Giá vốn ước tính của các dự án Khu Dân cư	26.582.466.355	34.847.086.465
Chi phí thi công công trình	3.881.957.757	1.326.887.331
Chi phí lãi vay phải trả	27.147.254	54.895.853
Các chi phí phải trả khác	235.889.535	200.000.000
Cộng	30.810.859.241	38.687.270.621

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	56.102.571	40.260.113
Bảo hiểm xã hội	29.148	-
Thù lao HĐQT	66.688.732	-
Thuế TNCN	5.467.802	5.467.802
Công ty Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp	1.721.032.989	1.900.423.465
Hoa hồng bán hàng	484.779.174	484.779.174
Hoán đổi nền đất dự án Khu Dân cư đường Trương Định nổi dài	258.999.998	258.999.998
Lãi góp vốn đường Trương Định nổi dài	173.838.958	249.580.837
Phải trả về cổ phần hóa	176.790.020	172.790.020
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	85.832.000	-
Công ty Cổ phần Testco	13.186.591	13.186.591
Các khoản phải khác	-	95.966.045
Cộng	3.042.747.983	3.221.454.045

25. Dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả các công trình cơ khí	574.511.280	564.130.711
Cộng	574.511.280	564.130.711

26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận (*)	Sử dụng các quỹ trong năm	Khấu hao TSCĐ hình thành từ quỹ phúc lợi	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	615.383.759	404.448.254	(511.763.952)	-	508.068.061
Quỹ phúc lợi	1.234.003.985	808.896.508	(969.558.324)	-	1.073.342.169
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	100.245.735	-	-	(20.388.960)	79.856.775
Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	939.792	-	-	-	939.792
Cộng	1.950.573.271	1.213.344.762	(1.481.322.276)	(20.388.960)	1.662.206.797

(*) Xem trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế tại Thuyết minh số V.28

27. Vay và nợ dài hạn

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (i)	687.000.000	1.038.200.000
Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Tiền Giang (ii)	2.334.000.000	-
Cộng	3.021.000.000	1.038.200.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Công ty có các khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang với chi tiết như sau:

Hợp đồng tín dụng	Số 01/2012/HĐ ngày 29/08/2012	Số 01/2013/HĐ ngày 11/04/2013	Số 02/2013/HĐ ngày 10/06/2013	Cộng
Hạn mức vay (VND)	828.545.200	840.000.000	560.000.000	
Thời hạn vay	60 tháng			
Lãi suất	Lãi suất thả nổi (lãi suất áp dụng từ 9,5%/năm đến 11,5%/năm)			
Mục đích vay	Mua máy cắt thép và máy chấn tole	Mua máy đào Kobelco	Mua máy chấn tole Komatsu	
	Công ty sử dụng các tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay			
Dảm bảo tiền vay	<ul style="list-style-type: none"> - Quyền sử dụng đất tại số 90, đường Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (xem Thuyết minh số VIII.1); - Toàn bộ tài sản cố định hữu hình của Công ty (xem Thuyết minh số V.10) 			
Số cuối năm	71.200.000	575.000.000	392.000.000	1.038.200.000
<i>Trong đó:</i>				
Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	71.200.000	168.000.000	112.000.000	351.200.000
Số phải trả sau 12 tháng	-	407.000.000	280.000.000	687.000.000
Số đầu năm	245.600.000	743.000.000	504.000.000	1.492.600.000
<i>Trong đó:</i>				
Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	174.400.000	168.000.000	112.000.000	454.400.000
Số phải trả sau 12 tháng	71.200.000	575.000.000	392.000.000	1.038.200.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(ii) Các khoản vay dài hạn Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Tiền Giang theo các Hợp đồng chi tiết như sau:

- Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số TD.1079.10/HĐTD ngày 9 tháng 3 năm 2011, Phụ lục Hợp đồng tín dụng số TD.1079.10/PLHĐTD ngày 22 tháng 02 năm 2012 và TD.1079.10.03/PLHĐTD ngày 30 tháng 8 năm 2013 với hạn mức tín dụng là 31.000.000.000 VND và thời hạn vay là 48 tháng. Mục đích của khoản vay để bồi thường, hỗ trợ dự án Khu Dân cư đường Trương Định nối dài. Khoản vay được trả hàng quý với số tiền là 1.306.000.000 VND, lãi vay cũng được trả hàng quý theo lãi suất thả nổi của Ngân hàng (lãi suất áp dụng là 10,5%/năm).
- Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số TA.0439.14/HĐTD ngày 21 tháng 7 năm 2014 và Phụ lục Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số TA.0439.14.04/PLHĐTD ngày 22 tháng 10 năm 2014 với hạn mức tín dụng là 4.000.000.000 VND và thời hạn vay là 36 tháng. Mục đích của khoản vay để thi công thảm nhựa mặt đường (đợt 1) thuộc công trình Khu Dân cư đường Trương Định nối dài giai đoạn 2 địa điểm phường 5, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Khoản vay được trả hàng quý với số tiền là 333.000.000 VND, lãi vay cũng được trả hàng quý theo lãi suất thả nổi của Ngân hàng (lãi suất áp dụng là 11%/năm).

Công ty sử dụng tiền gửi kỳ hạn tại Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 06/1/2014/HĐTG-NHN-TGI ngày 6 tháng 01 năm 2014 để thế chấp cho các khoản vay này (xem Thuyết minh số V.1).

Các khoản vay dài hạn Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Tiền Giang được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trong vòng 1 năm	333.000.000	5.224.000.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	2.334.000.000	-
Cộng	2.667.000.000	5.224.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(333.000.000)	(5.224.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	2.334.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

28. Vốn đầu tư chủ sở hữu

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm và năm trước

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	80.000.000.000	10.700.000.000	36.724.043.436	6.272.578.035	18.876.359.821	152.572.981.292
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	14.065.163.713	14.065.163.713
Điều chỉnh tăng lợi nhuận của Xi nghiệp Kinh doanh Vật liệu xây dựng	-	-	-	-	44.935.876	44.935.876
Trích lập các quỹ	-	-	4.000.000.000	819.089.167	(6.457.267.502)	(1.638.178.335)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
Số cuối năm trước	80.000.000.000	10.700.000.000	40.724.043.436	7.091.667.202	14.529.191.908	153.044.902.546
Số đầu năm nay	80.000.000.000	10.700.000.000	40.724.043.436	7.091.667.202	14.529.191.908	153.044.902.546
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	24.279.568.712	24.279.568.712
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển (i)	20.000.000.000	-	(20.000.000.000)	-	-	-
Trích quỹ các quỹ (ii)	-	-	-	674.080.423	(1.887.425.185)	(1.213.344.762)
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	-	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
Số cuối năm nay	100.000.000.000	10.700.000.000	20.724.043.436	7.765.747.625	24.921.335.435	164.111.126.496

(i) Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 80.000.000.000 VND lên 100.000.000.000 VND trong năm 2014 từ Quỹ đầu tư phát triển với số lượng cổ phiếu tăng thêm là 2.000.000 cổ phiếu để thưởng cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại Hội Cổ Đông ngày 23 tháng 4 năm 2013 và theo Thông báo số 917/2013/SGDHCM ngày 31 tháng 10 năm 2013 của SGD Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp Quyết định số 49/QĐ-SGDHCM ngày 20 tháng 02 năm 2014 về việc chấp nhận Công ty thay đổi số lượng cổ phiếu đang lưu hành từ 8.000.000 cổ phiếu lên 10.000.000 cổ phiếu liên quan đến việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 80.000.000.000 VND lên 100.000.000.000 VND.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đình Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 02/NQ.ĐHĐCĐ và được Đại hội đồng cổ đông thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 01/BB-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2014.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	10.000.000	8.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.000.000</i>	<i>8.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	8.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.000.000</i>	<i>8.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá (VND/ cổ phiếu)	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Tổng doanh thu</i>	<i>205.008.367.899</i>	<i>181.952.049.807</i>
Doanh thu bán vật liệu xây dựng	18.160.303.714	19.552.174.521
Doanh thu thi công công trình	127.595.605.082	88.885.951.211
Doanh thu gia công sản phẩm cơ khí	25.203.885.153	41.702.468.660
Doanh thu thi công cơ giới	818.937.436	-
Doanh thu kinh doanh bất động sản	33.229.636.514	31.811.455.415
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>	<i>(540.544.082)</i>	<i>(383.055.274)</i>
Hàng bán bị trả lại	(420.574.248)	(113.890.909)
Giảm giá hàng bán	(119.969.834)	(269.164.365)
Doanh thu thuần	<u>204.467.823.817</u>	<u>181.568.994.533</u>

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn bán vật liệu xây dựng	15.403.420.982	16.561.297.362
Giá vốn thi công công trình	124.633.075.125	87.011.259.557
Giá vốn gia công sản phẩm cơ khí	20.711.332.885	36.045.019.264
Giá vốn thi công cơ giới	1.494.291.463	-
Giá vốn kinh doanh bất động sản	21.800.184.787	3.661.303.906
Cộng	<u>184.042.305.242</u>	<u>143.278.880.089</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.168.607.290	1.060.641.110
Lãi cho vay	457.984.178	495.396.055
Lãi thuê tài chính	-	85.022.088
Cổ tức, lợi tức được chia từ công ty liên kết	36.533.446	34.416.602
Cổ tức, lợi tức được chia từ công ty con	18.682.083.825	7.630.472.517
- Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	17.535.844.663	7.630.472.517
- Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	925.664.162	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	220.575.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	86.088	849.126
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	5.214.240
Doanh thu tài chính khác	4.045.426	-
Cộng	<u>20.349.340.253</u>	<u>9.312.011.738</u>

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	693.303.702	1.059.908.631
Chi phí dự phòng lỗ công ty con (Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO)	-	14.020.456.153
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	135.718	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.387.894	-
Cộng	<u>703.827.314</u>	<u>15.080.364.784</u>

5. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên	968.734.557	882.131.524
Chi phí vật liệu, bao bì	1.347.338.275	1.254.880.087
Chi phí dụng cụ đồ dùng	3.829.454	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	138.614.873	138.614.872
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.902.969	42.700.262
Chi phí bằng tiền khác	836.405.291	236.582.675
Cộng	<u>3.326.825.419</u>	<u>2.554.909.420</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	5.846.839.315	5.190.343.003
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	412.554.819	397.666.250
Chi phí dụng cụ quản lý	236.649.853	242.499.520
Chi phí khấu hao	840.548.318	701.813.477
Thuế phí và lệ phí	498.833.605	308.775.488
(Hoàn nhập) chi phí dự phòng	(555.172.332)	2.289.434.405
Chi phí dịch vụ mua ngoài	724.826.371	560.107.286
Chi phí bằng tiền khác	3.767.310.347	3.800.339.916
Cộng	<u>11.772.390.296</u>	<u>13.490.979.345</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Lợi nhuận khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập khác		
Nhuận bán, thanh lý tài sản cố định	1.476.416.000	-
Doanh thu cho thuê mặt bằng	147.932.761	16.363.636
Doanh thu cho thuê xe	40.602.060	-
Hoàn nhập chi bảo hành công trình cơ khí	327.850.384	174.046.558
Thu nhập từ xử lý công nợ	72.120	2.337.882.362
Thu nhập khác	4.000.000	59.941.456
Cộng	<u>1.996.873.325</u>	<u>2.588.234.012</u>
Chi phí khác		
GTCL của tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	308.761.972	-
Chi phí xử lý do các dự án đã dừng lại	-	2.484.643.908
Chi tiền phạt	-	84.804.009
Chi phí khác	267.727.187	292.912
Cộng	<u>576.489.159</u>	<u>2.569.740.829</u>
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	<u>1.420.384.166</u>	<u>18.493.183</u>

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.392.199.965	16.494.365.816
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán:	(19.119.368.506)	(22.082.106.545)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	124.322.874	84.804.009
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(19.243.691.380)	(22.166.910.554)
Trừ: Chuyển lỗ	(1.191.334.273)	-
Thu nhập (lỗ) chịu thuế	<u>6.081.497.186</u>	<u>(5.587.740.729)</u>
Trong đó:		
Thu nhập hoạt động kinh doanh bất động sản	6.081.497.186	7.797.872.535
Thu nhập (lỗ) hoạt động thông thường	-	(13.385.613.264)
Thuế suất áp dụng	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>1.337.929.381</u>	<u>1.949.468.134</u>
Cộng: Chênh lệch thuế tạm nộp 1% trên số tiền thu bất động sản trong năm	54.015.850	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>1.391.945.231</u>	<u>1.949.468.134</u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế (năm 2013: 25%).

Đối với các dự án kinh doanh bất động sản (bán nền đất) chưa hoàn thành, Công ty tạm trích thuế thu nhập doanh nghiệp trên 1% số tiền tạm thu được trong năm theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	24.279.568.712	14.065.163.713
Các điều chỉnh để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	24.279.568.712	14.065.163.713
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (*)	10.000.000	8.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.427,96	1.758,15

(*) Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	8.000.000	8.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	2.000.000	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.000.000	8.000.000

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	47.141.169.617	115.818.733.425
Chi phí nhân viên	15.597.872.926	20.828.651.365
Chi phí khấu hao	2.305.273.435	2.059.528.660
Chi phí dịch vụ mua ngoài	109.231.143.490	2.708.016.444
Chi phí bằng tiền khác	7.465.776.778	8.054.752.075
Cộng	181.741.236.246	149.469.681.969

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thanh lý tài sản cố định phải thu	1.476.416.000	-
Mua sắm tài sản cố định chưa thanh toán	10.089.159.926	-
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	110.053.383	22.754.129
Lãi cho vay phải thu	3.539.267	-
Lợi nhuận phải thu công ty con - Ngắn hạn	18.512.208.337	1.010.991.338
Lợi nhuận phải thu công ty con - Dài hạn	-	28.010.612.411
Chuyển khoản cho vay dài hạn sang góp vốn công ty con (Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO)	5.000.000.000	-
Chi phí lãi vay phải trả	27.147.254	54.895.853

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ tức đã tạm ứng	2.400.000.000	2.400.000.000
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	20.000.000.000	-
2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ		
Trả trước tiền mua sắm tài sản cố định	239.618.720	-
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu năm trước đã thu trong năm	22.754.129	-
Lãi cho vay phải thu năm trước đã thu trong năm	-	-
Lợi nhuận phải thu công ty con năm trước đã thu trong năm	15.191.479.237	6.289.862.000
Chi phí lãi vay phải trả năm trước đã trả trong năm	54.895.853	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc niên độ, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trong vòng 1 năm	149.697.800	149.697.800
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	598.791.200	598.791.200
Sau 5 năm	4.041.840.600	4.191.538.400
Cộng	4.790.329.600	4.940.027.400

Cam kết thuê hoạt động được thể hiện ở các khoản thanh toán tiền thuê đất theo Hợp đồng thuê đất số 2166/HĐTD ngày 23 tháng 12 năm 2008 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc thuê 21.482,4 m² đất tại số 90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang để làm Văn phòng làm việc Công ty, thời hạn thuê là từ ngày 25 tháng 11 năm 2008 đến ngày 01 tháng 01 năm 2047, tiền thuê đất hàng năm là 149.697.800 VND.

Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất tại số 90, đường Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (xem Thuyết minh số 19 và số V.27).

2. Cam kết vốn

Công ty có ký Hợp đồng mua thiết bị cần trục số 049/NAMVIET-HĐ/2014 ngày 02 tháng 12 năm 2014 với Công ty TNHH Cơ khí Nam Việt với giá trị là 544.588.000 VND và đã trả trước cho giá trị của Hợp đồng này là 239.618.720 VND. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty còn cam kết phải trả cho Hợp đồng mua thiết bị cần trục là 304.969.280 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Nghiệp vụ các bên liên quan

Giao dịch với bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Công ty con
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	Công ty con
Công ty Cổ phần Testco	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO		
Bán hàng	12.620.236.059	8.024.978.654
Bán tài sản	-	30.000.000
Giá công cơ khí	285.646.554	-
Vận chuyển	-	16.010.908
Mua hàng	1.741.553.747	499.466.407
Thuê xe vận chuyển/ thuê máy móc thiết bị	219.118.272	145.031.817
Nhận giá trị công trình thi công	777.307.273	-
Cho vay dài hạn	22.638.141.393	-
Lãi cho vay dài hạn	233.991.364	339.777.772
Lãi thuê tài chính	-	85.022.088
Lợi nhuận chuyển về	17.535.844.663	7.630.472.517
Công ty TNHH MTV Xây Dựng TICCO		
Bán hàng	2.543.198.654	4.515.265.773
Cho thuê xe vận chuyển/ cho thuê máy móc thiết bị	590.348.244	15.439.091
Giá công cơ khí	1.025.439.470	2.290.922.382
Thi công công trình	1.065.720.909	-
Mua hàng	431.159.416	-
Mua cử Larsen	1.960.623.636	-
Mua tài sản	10.297.736.075	-
Thuê xe vận chuyển/ thuê máy móc thiết bị	488.493.418	37.129.599
Nhận giá trị công trình thi công	73.351.727.402	71.781.179.978
Thu tiền điện	71.152.482	64.057.858
Tiền cho thuê đất	100.205.488	16.700.000
Thu phí bảo lãnh dự thầu	301.768.065	456.919.247
Cho vay dài hạn	2.000.000.000	5.000.000.000
Lãi cho vay dài hạn	217.799.547	144.888.210
Chuyển tiền cho vay dài hạn sang tăng góp đầu tư	5.000.000.000	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang		
Thi công công trình	-	30.379.525
Thu hỗ trợ chi phí chờ thi công	-	35.488.909
Bán tài sản	1.476.416.000	-
Nhận giá trị công trình thi công	8.811.391.051	8.037.311.492
Giảm trị giá trị công trình thi công		(26.325.145)
Lãi cho vay	-	95.752.161
Thu phí bảo lãnh dự thầu	7.935.949	122.062.659
Phí dự thầu	-	10.567.857
Chia cổ tức	<u>220.575.000</u>	<u>-</u>

Công ty Cổ phần Testco

Nhận cổ tức	<u>36.533.446</u>	<u>34.416.602</u>
-------------	-------------------	-------------------

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO		
Phải thu khách hàng	1.231.016.530	1.872.817.710
Phải thu ngắn hạn khác	17.661.952.759	20.444.440
Phải thu dài hạn khác	-	38.388.678.289
Cho vay dài hạn	16.918.431.393	1.000.000.000
Phải trả tiền mua hàng	11.703.000	230.691.879
Nhận trước tiền gia công cơ khí	<u>365.785.000</u>	<u>-</u>

Công ty TNHH MTV Xây Dựng TICCO

Phải thu khách hàng	557.438.117	4.388.621.486
Trả trước tiền thi công	898.955.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	1.487.796.599	1.629.498.795
Cho vay dài hạn	2.000.000.000	5.000.000.000
Phải trả tiền mua sắm tài	11.327.509.684	-
Phải trả tiền mua hàng, thi công công trình	<u>22.529.249.086</u>	<u>35.574.516.816</u>

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang

Phải thu tiền nhượng bán tài sản	1.624.057.600	-
Trả trước tiền thi công	-	180.128.000
Phải trả tiền thi công công trình	5.757.898.026	2.493.149.800
Phải trả khác	<u>85.832.000</u>	<u>-</u>

Công ty Cổ phần Testco

Phải trả người bán	30.899.600	-
Phải trả khác	<u>13.186.591</u>	<u>13.186.591</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lương, thưởng và phụ cấp	1.439.205.198	1.312.318.922
Cộng	<u>1.439.205.198</u>	<u>1.312.318.922</u>

4. Thông tin bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 5 bộ phận theo lĩnh vực hoạt động kinh doanh: Kinh doanh vật liệu xây dựng; Thi công công trình; Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí; Thi công cơ giới và Kinh doanh bất động sản. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 5 bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của 5 bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận kinh doanh vật liệu xây dựng: Đây là hoạt động kinh doanh chính của Xí nghiệp Kinh doanh Vật liệu xây dựng (Xí nghiệp trực thuộc Công ty);
- Bộ phận thi công công trình: Chủ yếu thi công công trình xây dựng thủy lợi. Đây là hoạt động kinh doanh chính Công ty và Xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi (Xí nghiệp trực thuộc Công ty);
- Bộ phận sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí: Chủ yếu sản xuất, gia công cửa cống cho công trình thủy lợi. Đây là hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của Xí nghiệp Cơ khí Sửa chữa (Xí nghiệp trực thuộc Công ty);
- Bộ phận thi công cơ giới: Chủ yếu cho thuê máy móc thi công công trình thủy lợi. Đây là hoạt động kinh doanh chính của Xí nghiệp Thi công cơ giới (Xí nghiệp trực thuộc Công ty);
- Bộ phận kinh doanh bất động sản: Chủ yếu thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại các khu dân cư; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông. Đây là một bộ phận kinh doanh của Công ty và là hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang - Sân Giao dịch Bất động sản TICCO (TICCOREAL).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin về tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Kinh doanh vật liệu xây dựng	Thi công công trình	Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí	Thi công cơ giới	Kinh doanh bất động sản	Không phân bổ	Cộng
Số cuối năm							
Tài sản							
Tài sản bộ phận	4.013.357.745	58.626.023.690	7.361.072.747	1.658.460.743	31.484.722.289		103.143.637.214
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	209.000.319.733	209.000.319.733
Tổng tài sản	4.013.357.745	58.626.023.690	7.361.072.747	1.658.460.743	31.484.722.289	209.000.319.733	312.143.956.947
Nợ phải trả							
Nợ phải trả bộ phận	132.987.341	83.484.535.737	3.620.806.863	1.420.611.914	36.521.071.642	-	125.180.013.497
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	22.852.816.954	22.852.816.954
Tổng nợ phải trả	132.987.341	83.484.535.737	3.620.806.863	1.420.611.914	36.521.071.642	22.852.816.954	148.032.830.451
Số đầu năm							
Tài sản							
Tài sản bộ phận	4.779.061.049	55.858.195.574	23.303.678.561	-	58.845.273.512	-	142.786.208.696
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	136.272.039.161	136.272.039.161
Tổng tài sản	4.779.061.049	55.858.195.574	23.303.678.561	-	58.845.273.512	136.272.039.161	279.058.247.857
Nợ phải trả							
Nợ phải trả bộ phận	477.351.923	53.644.484.715	15.158.955.990	-	48.051.649.029	-	117.332.441.657
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	8.680.903.654	8.680.903.654
Tổng nợ phải trả	477.351.923	53.644.484.715	15.158.955.990	-	48.051.649.029	8.680.903.654	126.013.345.311

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Kinh doanh vật liệu xây dựng	Thi công công trình	Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí	Thi công cơ giới	Kinh doanh bất động sản	Không phân bổ	Cộng
Năm nay							
Doanh thu thuần bộ phận	18.160.303.714	127.167.515.379	25.091.430.774	818.937.436	33.229.636.514	-	204.467.823.817
Giá vốn bộ phận	(15.403.420.982)	(124.633.075.125)	(20.711.332.885)	(1.494.291.463)	(21.800.184.787)	-	(184.042.305.242)
Chi phí bán hàng	(1.919.179.320)				(1.407.646.099)	-	(3.326.825.419)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(527.380.005)	(6.314.671.607)	(1.230.761.367)	(187.165.117)	(3.512.412.200)	-	(11.772.390.296)
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	310.323.407	(3.780.231.353)	3.149.336.522	(862.519.144)	6.509.393.428	-	5.326.302.860
Doanh thu hoạt động tài chính	16.833	3.645.437	7.589.728	89.902	5.239.934	20.332.758.419	20.349.340.253
Chi phí tài chính	(14.059.183)	-	(86.281.964)	-	-	(603.486.167)	(703.827.314)
Thu nhập khác	-	-	327.850.384	-	2.953	1.669.019.988	1.996.873.325
Chi phí khác	-	-	-	-	(22.000.000)	(554.489.159)	(576.489.159)
Lợi nhuận trước thuế	296.281.057	(3.776.585.916)	3.398.494.670	(862.429.242)	6.492.636.315	20.843.803.081	26.392.199.965
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	(1.391.945.231)	-	(1.391.945.231)
Chi phí thuế thu nhập thuế hoãn lại	-	(628.156.092)	-	-	(92.529.930)	-	(720.686.022)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	296.281.057	(4.404.742.008)	3.398.494.670	(862.429.242)	5.008.161.154	20.843.803.081	24.279.568.712

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Kinh doanh vật liệu xây dựng	Thi công công trình	Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí	Thi công cơ giới	Kinh doanh bất động sản	Không phân bổ	Cộng
Năm trước							
Doanh thu thuần bộ phận	19.549.977.249	88.618.984.118	41.588.577.751	-	31.811.455.415	-	181.568.994.533
Giá vốn bộ phận	(16.561.297.362)	(87.011.259.557)	(36.045.019.264)	-	(3.661.303.906)	-	(143.278.880.089)
Chi phí bán hàng	(1.718.859.737)	-	-	-	(836.049.683)	-	(2.554.909.420)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(558.526.191)	(7.617.834.425)	(1.604.145.375)	-	(3.710.473.354)	-	(13.490.979.345)
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	711.293.959	(6.010.109.864)	3.939.413.112	-	23.603.628.472	-	22.244.225.679
Doanh thu hoạt động tài chính	52.130	-	17.116.905	-	15.473.987	9.279.368.716	9.312.011.738
Chi phí tài chính	(39.877.014)	-	(222.661.214)	-	(463.849.231)	(14.353.977.325)	(15.080.364.784)
Thu nhập khác	-	-	174.046.558	-	-	2.414.187.454	2.588.234.012
Chi phí khác	-	-	-	-	(2.540.541.630)	(29.199.199)	(2.569.740.829)
Lợi nhuận trước thuế	671.469.075	(6.010.109.864)	3.907.915.361	-	20.614.711.598	(2.689.620.354)	16.494.365.816
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	(1.949.468.134)	-	(1.949.468.134)
(Chi phí) Thu nhập thuế thu nhập thuế hoãn lại	-	2.944.841.206	-	-	(3.424.575.175)	-	(479.733.969)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	671.469.075	(3.065.268.658)	3.907.915.361	-	15.240.668.289	(2.689.620.354)	14.065.163.713

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động Công ty đều diễn ra ở khu vực hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty (Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang).

5. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.19 và V.27 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị sổ sách	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	80.587.505.417	18.443.408.303
Đầu tư ngắn hạn	177.000.000	-
Phải thu khách hàng	55.782.648.186	79.040.996.627
Các khoản phải thu khác	22.706.513.022	4.534.055.130
Phải thu dài hạn khác	-	38.388.678.289
Đầu tư dài hạn khác	18.918.431.393	6.000.000.000
Cộng	178.172.098.018	146.407.138.349
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ ngắn hạn	14.144.618.537	8.861.555.458
Phải trả người bán	50.087.891.603	46.704.704.549
Chi phí phải trả	30.810.859.241	38.687.270.621
Các khoản phải trả khác	2.914.459.730	3.175.726.130
Dự phòng phải trả ngắn hạn	574.511.280	564.130.711
Vay và nợ dài hạn	3.021.000.000	1.038.200.000
Cộng	101.553.340.391	99.031.587.469

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và sự thay đổi về giá cả của hàng hóa.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay ngắn hạn và dài hạn chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất, kinh doanh (khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khác và các khoản cho vay).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu trả trước, trả tiền ngay hoặc thanh toán theo tiến độ thực hiện hợp đồng và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập Báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng quá hạn, khó đòi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản phải thu khác và các khoản cho vay

Các khoản phải thu khác phần lớn đều là lợi nhuận phải thu từ công ty con và các đối tượng cho vay chủ yếu là các công ty con, cho nên không có rủi ro đáng kể.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối năm			
Vay và nợ ngắn hạn	14.144.618.537	-	14.144.618.537
Phải trả người bán	50.087.891.603	-	50.087.891.603
Chi phí phải trả	30.810.859.241	-	30.810.859.241
Các khoản phải trả khác	2.914.459.730	-	2.914.459.730
Dự phòng phải trả ngắn hạn	574.511.280	-	574.511.280
Vay và nợ dài hạn	-	3.021.000.000	3.021.000.000
Cộng	98.532.340.391	3.021.000.000	101.553.340.391
Tiền và các khoản tương đương tiền	80.587.505.417	-	80.587.505.417
Đầu tư ngắn hạn	177.000.000	-	177.000.000
Phải thu khách hàng	55.782.648.186	-	55.782.648.186
Các khoản phải thu khác	22.706.513.022	-	22.706.513.022
Phải thu dài hạn khác	-	-	-
Đầu tư dài hạn khác	-	18.918.431.393	18.918.431.393
Cộng	159.253.666.625	18.918.431.393	178.172.098.018
Chênh lệch thanh toán thuần	60.721.326.234	15.897.431.393	76.618.757.627
Số đầu năm			
Vay và nợ ngắn hạn	8.861.555.458	-	8.861.555.458
Phải trả người bán	46.704.704.549	-	46.704.704.549
Chi phí phải trả	38.687.270.621	-	38.687.270.621
Các khoản phải trả khác	3.175.726.130	-	3.175.726.130
Dự phòng phải trả ngắn hạn	564.130.711	-	564.130.711
Vay và nợ dài hạn	-	1.038.200.000	1.038.200.000
Cộng	97.993.387.469	1.038.200.000	99.031.587.469

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Trong vòng 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.443.408.303	-	18.443.408.303
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Phải thu khách hàng	79.040.996.627	-	79.040.996.627
Các khoản phải thu khác	4.534.055.130	-	4.534.055.130
Phải thu dài hạn khác	-	38.388.678.289	38.388.678.289
Đầu tư dài hạn khác	-	6.000.000.000	6.000.000.000
Cộng	102.018.460.060	44.388.678.289	146.407.138.349
Chênh lệch thanh toán thuần	4.025.072.591	43.350.478.289	47.375.550.880


Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

6. Thông tin so sánh

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Tiền Giang, ngày 17 tháng 3 năm 2015




TRẦN HOÀNG HUÂN
Tổng Giám đốc



LÊ MỸ PHƯỢNG
Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ MINH THU
Người lập biểu